

Uông Bí, ngày 09 tháng 01 năm 2023

A. ĐƠN VỊ KIẾN THỨC/KĨ NĂNG – MỨC ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

- Thơ văn Nguyễn Trãi (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)
- Tiểu thuyết và truyện ngắn (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

2.1. Thơ văn Nguyễn Trãi

Nhận biết:

- Nhận biết được bối cảnh lịch sử, xã hội trong văn bản.
- Nhận biết được các thể loại của nghị luận xã hội trung đại: Hịch, cáo, chiếu...
- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong tác phẩm.
- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm.

Thông hiểu:

- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị nội dung, nghệ thuật trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi.
- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua tác phẩm.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

Vận dụng cao:

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân được gợi ra từ văn bản.
- Vận dụng những hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi để đánh giá con người, thơ văn và những đóng góp của ông.

2.2. Tiểu thuyết và truyện ngắn

Nhận biết:

- Nhận biết được giá trị nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng,...) và một số yếu tố hình thức (điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri và người kể chuyện toàn tri, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...) của tiểu thuyết và truyện ngắn.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.
- Phân tích được các giá trị nội dung và yếu tố hình thức của văn bản.
- Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

Vận dụng cao:

- Phân tích, đánh giá được giá trị nội dung và một số yếu tố hình thức của tiểu thuyết và truyện ngắn.

II. PHẦN VIẾT

1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội .

1.1. Nội dung kiến thức/kĩ năng: viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội về một tư tưởng đạo lí (khoảng 500 chữ).

1.2. Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá

Nhận biết:

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.
- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.

- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.

Vận dụng cao:

- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.

2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

2.1. Nội dung kiến thức/kĩ năng: viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

2.2. Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá

Nhận biết:

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,...
- Trình bày được những nội dung khái quát của truyện.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của truyện.

- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.

- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.

- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).

Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.

B. ÔN TẬP KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

Bài 5. Thơ văn Nguyễn Trãi

I. Kiến thức ngữ văn

1. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội với việc đọc hiểu tác phẩm văn học

- Đọc hiểu tác phẩm luôn gắn liền với việc vận dụng kiến thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. Hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thời kì nhà văn sống với những sự kiện, các mối quan hệ xã hội, sinh hoạt văn hoá đã tác động trực tiếp và gián tiếp tới sáng tác của nhà văn và được phản ánh một cách sâu sắc trong các tác phẩm của họ. Nhiều vấn đề trong các tác phẩm văn học chỉ có thể cắt nghĩa được khi vận dụng các tri thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội vào việc đọc hiểu tác phẩm đó.

- Thời đại Nguyễn Trãi là thời đại đau thương và quật khởi. Đau thương bởi sau hơn bốn thế kỉ độc lập, tự chủ (từ năm 938 đến 1407), dân tộc ta lại rơi vào thảm họa mất nước, chịu sự thống trị tàn bạo của giặc Minh xâm lược. Quật khởi bởi đây là giai đoạn truyền thống yêu nước, anh hùng được trỗi dậy và phát huy mạnh mẽ, mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn – cuộc khởi nghĩa gian khổ bậc nhất, thắng lợi huy hoàng bậc nhất trong lịch sử Việt Nam trước năm 1945.

- Nguyễn Trãi là người sống hết mình với thời đại, có những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và sự nghiệp xây dựng đất nước sau khi dân tộc giành lại quyền độc lập, tự chủ.

2. Nghị luận xã hội trung đại

- Nghị luận xã hội trung đại thường được viết bằng các thể văn như: chiếu, hịch, cáo, thư,..., phản ánh những vấn đề chính trị, xã hội và có giá trị nghệ thuật cao. Chiếu, cáo thường để ban bố trước dân chúng về những công việc và sự kiện có tính chất quốc gia; thư dùng để trao đổi, thuyết phục người khác trong công việc. Các bài nghị luận xã hội trung đại có một số đặc điểm nổi bật sau đây:

- Là thể văn tổng hợp “văn, sử, triết bát phân”, có sự kết hợp hài hoà giữa lí lẽ và cảm xúc, giữa tư tưởng và tình cảm của người viết; bài văn vừa có tính thuyết phục, vừa giàu màu sắc biểu cảm. Văn nghị luận trung đại thường được viết bằng văn biền ngẫu, từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng.

- Trong nhiều bài nghị luận xã hội trung đại, vai trò của người viết rất đặc biệt, tác giả thường là các bậc vua, chúa, thủ lĩnh hoặc được vua, chúa, thủ lĩnh uỷ nhiệm soạn thảo các văn bản. Các tác giả được uỷ thác thường là những nhà văn hoá lỗi lạc hoặc có địa vị, uy tín cao trong triều đình và xã hội. Văn bản nghị luận do họ soạn thảo không chỉ thể hiện tư tưởng, tình cảm của các bậc vua, chúa, thủ lĩnh, đại diện cho tư tưởng thời đại, ý chí, khát vọng của cả quốc gia, dân tộc, mà còn chứa đựng trí tuệ, tình cảm và tài năng văn chương của mỗi người.

3. Thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn

- Thơ Nôm thất ngôn xen lục ngôn là sự sáng tạo của các nhà thơ Việt Nam trên cơ sở kế thừa thơ Đường luật. Theo các tư liệu hiện còn thì thể thơ này đạt đến đỉnh cao nghệ thuật trong tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Điều đó cho thấy ông là người xây dựng thành công một thể thơ mới theo hướng dân tộc và tập thơ Nôm của ông được đánh giá là thành tựu lớn của thơ ca tiếng Việt.

- Việc xuất hiện các câu lục ngôn (sáu chữ) xen kẽ các câu thất ngôn (bảy chữ) phá vỡ ít nhiều kết cấu của thơ Đường luật thất ngôn, tạo nên các điểm nhấn về cảm xúc, suy tư, hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu,... góp phần mở ra thời kì mới cho sự phát triển của thơ ca tiếng Việt.

4. Biện pháp liệt kê

- Liệt kê là biện pháp tu từ, theo đó, người nói, người viết kể ra nhiều sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... trong cùng một câu, một đoạn văn để tạo nên một ấn tượng mạnh, hiệu quả cao trong miêu tả, kể chuyện hoặc biểu lộ tình cảm, cảm xúc. Phép liệt kê được dùng trong cả văn xuôi và văn vần.

- Xét theo cấu tạo, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo từng cặp hoặc không theo từng cặp.

- Xét theo ý nghĩa, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo kiểu tăng tiến hoặc không tăng tiến.

II. Đọc

1. Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp

1.1. Tìm hiểu chung về hoàn cảnh lịch sử thời đại Nguyễn Trãi:

- Thời đại: đau thương và quật khởi, đất nước bị giặc Minh xâm lược.
- Truyền thống yêu nước trời dấy mãnh liệt, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyễn Trãi là người đóng góp lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và xây dựng đất nước sau chiến thắng giặc Minh.

1.2. Văn bản

a. Nội dung

*** Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc:**

- Sinh năm 1380, hiệu Úc Trai. Quê gốc: Chi Ngại, Phượng Sơn, Lạng Giang (Chí Linh, Hải Dương ngày nay).

- Sinh sống trong thời đại đau thương quật khởi của lịch sử dân tộc.

- Xuất thân: gia đình có truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa và văn học.

- Cuộc đời: gắn liền với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và công cuộc xây dựng đất nước; chịu những bi kịch đau thương trong cuộc đời.

- Cuộc đời Nguyễn Trãi luôn gắn bó với số phận của dân tộc; có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Các tác phẩm của ông là nền tảng quan trọng để xây dựng một nền văn hóa, văn học mới.

*** Nguyễn Trãi – nhà văn hóa, nhà văn kiệt xuất:**

- Nhà văn hóa kiệt xuất: Nguyễn Trãi có đóng góp trên nhiều lĩnh vực: tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, lịch sử, địa lí, văn học...; có công lớn trong việc giúp Lê Lợi xây dựng một đường lối chính trị và quân sự đúng đắn; giúp Lê Lợi mở kì thi, lựa chọn nhân tài phục vụ cho công cuộc kiến thiết đất nước dài lâu; có kế hoạch mới mẻ về việc xây dựng hình luật, âm nhạc, khoa cử...

- Nguyễn Trãi - nhà văn, nhà thơ, người có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển văn học dân tộc:

+ Đặc sắc nội dung thơ văn Nguyễn Trãi: thấm nhuần tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa vì dân, đề cao vai trò của người dân, cùng với niềm suy tư thế sự và tình yêu thiên nhiên, đất nước.

+ Con người Nguyễn Trãi qua thơ văn: Người con hiếu thảo, một người bạn chân tình; Con người luôn nâng niu gắn bó với quê hương, đất nước; yêu thiên nhiên, sống chan hòa với vạn vật; tình yêu người sâu sắc, đau đáu hướng về cuộc đời.

+ Đóng góp nghệ thuật trong thơ văn: là nhà văn chính luận kiệt xuất, ông đã đưa thể nghị luận trung đại đạt đến độ hoàn thiện; đạt được những thành công lớn trong thể phú, tiêu biểu với tác phẩm *Phú núi Chí Linh*; số lượng tác phẩm thơ ca đồ sộ, trình độ nghệ thuật mẫu mực, thể giới thẩm mỹ phong phú, hình ảnh bình dị, dân dã.

b. Nghệ thuật: Cách trình bày văn bản khoa học, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, giàu sức thuyết phục.

c. Ý nghĩa

Cuộc đời và những đóng góp của Nguyễn Trãi tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, tấm gương hi sinh, hết lòng vì dân, vì nước. Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Những bài học được đúc kết từ cuộc đời và sự nghiệp của ông vẫn còn nguyên tính thời sự trong thời đại ngày nay.

2. Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi)

2.1. Tìm hiểu chung

- *Hoàn cảnh ra đời:* Đầu những năm 1428, sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình cho dân nước.

- *Thể loại:* cáo, lời văn biến ngẫu

2.2. Văn bản

a. Nội dung

- ***Luận đề chính nghĩa:*** nêu cao tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hóa, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự ý thức về sức mạnh dân tộc.

- ***Bản cáo trạng tội ác*** được xây dựng trên tư tưởng nhân nghĩa và lập trường dân tộc, vì dân mà lên án tội ác của giặc nên lời văn gan ruột, thống thiết; chứng cứ đầy sức thuyết phục.

- ***Quá trình kháng chiến và chiến thắng:*** hình ảnh đạo quân nhân nghĩa từ dân mà ra, vì dân mà chiến đấu, chiến đấu bằng sức mạnh của dân mà nổi bật là hình ảnh lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn với những đặc điểm của người anh hùng mang đầy đủ phẩm chất và sức mạnh của cộng đồng trong cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh.

- ***Lời tuyên ngôn độc lập và hòa bình*** trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.

b. Nghệ thuật

Bút pháp anh hùng ca đậm chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê; giọng văn biến hóa linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.

c. Ý nghĩa

Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hòa bình.

3. Gương báu khuyên răn – bài 43 (Nguyễn Trãi)

3.1. Tìm hiểu chung

- Xuất xứ: là bài thơ Nôm Đường luật số 43, nằm trong mục Gương báu răn mình (61 bài) của tập thơ *Quốc âm thi tập*.

- Chủ đề: bộc lộ nỗi lòng, chí hướng của tác giả.

3.2. Văn bản

a. Nội dung

- Vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên
+ Mọi hình ảnh đều sống động: hòe lục đùn đùn, rợp mát như gương ô che rợp; thạch lựu phun trào sắc đỏ, sen hồng đang độ nở ngát mùi hương.

+ Mọi màu sắc đều đậm đà: hòe lục, lựu đỏ, sen hồng.

- Vẻ đẹp thanh bình của bức tranh đời sống con người: nơi chợ cá dân dã thì “lao xao”, tập nập; chốn lầu gác thì “dắng dỏi” tiếng ve như một bản đàn. Cả thiên nhiên và cuộc sống con người đều tràn đầy sức sống. Điều đó cho thấy một tâm hồn khát sống, yêu đời mãnh liệt và tinh tế giàu chất nghệ sĩ của tác giả.

- Niềm khát khao cao đẹp

+ Đắm mình trong cảnh ngày hè, nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuấn, gảy khúc Nam phong cầu mưa thuận gió hòa để “Dân giàu đủ khắp đòi phương”.

+ Lấy Nghiêu, Thuấn làm “gương báu răn mình”, Nguyễn Trãi đã bộc lộ chí hướng cao cả: luôn khao khát đem tài trí để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.

b. Nghệ thuật

- Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích.

- Sử dụng từ láy độc đáo: đùn đùn, lao xao, dắng dỏi,...

c. Ý nghĩa

Tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp trước tác của Nguyễn Trãi – tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân – được thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào trước cảnh thiên nhiên ngày hè.

III. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

1. Định hướng

Kiểu bài nghị luận xã hội đã được học ở bài 1. Trong bài này, học sinh tiếp tục được rèn luyện viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí.

- Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí cần chú ý:

+ Lựa chọn một vấn đề tư tưởng, đạo lí nổi bật trong đời sống xã hội để làm đề tài cho bài nghị luận.

+ Nên tìm tòi các vấn đề tư tưởng, đạo lí có tính thời sự và liên quan đến thế hệ trẻ.

+ Tìm hiểu kĩ vấn đề được lựa chọn, xác định nội dung cần trình bày.

+ Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Xác định rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận vấn đề đã nêu.

2. Thực hành

a. Chuẩn bị

Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề:

- Về nội dung
- Về thao tác nghị luận
- Về phạm vi dẫn chứng

b. Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi làm sáng tỏ yêu cầu đề bài.
- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần.

c. Viết

- Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài văn.
- Cần chú ý: Bài viết đủ ba phần; các luận điểm trong phần thân bài cần làm rõ cho vấn đề nêu ở phần mở bài; cái ví dụ (bằng chứng) phải đúng, tiêu biểu và phong phú; lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết đối với vấn đề nghị luận.

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với mục định hướng và dàn ý để phát hiện và sửa lỗi.

Bài 6. Tiểu thuyết và truyện ngắn

I. Kiến thức ngữ văn

1. Tiểu thuyết và truyện ngắn

Tiểu thuyết và truyện ngắn đều thuộc loại tác phẩm truyện.

- Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn. Tiểu thuyết có khả năng phản ánh đời sống rộng lớn, không bị giới hạn về không gian và thời gian; cốt truyện phức tạp; được xây dựng trên nhiều sự kiện, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chông chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. Tiểu thuyết có nhiều loại, ở bài 5 tập trung vào tiểu thuyết chương hồi

- Truyện ngắn là thể loại tự sự cỡ nhỏ. Truyện ngắn hướng tới khắc họa một hiện tượng trong đời sống; cốt truyện thường diễn ra trong thời gian, không gian hạn chế; kết cấu không nhiều tầng, nhiều tuyến; thường có ít nhân vật. Truyện ngắn thu hút người đọc bởi nội dung cô đúc, chi tiết có sức ám ảnh, ý tưởng sắc sảo được thể hiện qua tình huống bất ngờ, lời văn hàm súc, mang nhiều ẩn ý.

2. Điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri, người kể chuyện toàn tri.

- Điểm nhìn nghệ thuật là thuật ngữ dùng để chỉ vị trí quan sát của người kể chuyện trong tương quan với nhân vật, sự việc được trần thuật.

- Người kể chuyện hạn tri, thường là người kể chuyện theo ngôi thứ nhất. Người kể chuyện hạn tri thường trực tiếp tham dự hoặc chứng kiến các sự việc xảy ra trong truyện nên có vị trí quan sát, miêu tả, trần thuật,... bị giới hạn. Vì người kể chuyện đồng thời là một nhân vật trong truyện nên không biết được những diễn biến trong suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật khác; thường bày tỏ quan điểm và thái độ chủ quan khi thuật truyện.

Trần thuật từ điểm nhìn hạn tri có ưu điểm là tạo được hiệu quả về tính trực tiếp như đang chứng kiến các sự việc xảy ra ở hiện trường, có cơ hội để đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật – người kể. Tuy nhiên, điểm nhìn này lại rất hạn chế trong việc phản ánh toàn cảnh bức tranh xã hội, môi trường hoạt động và tâm lí của các nhân vật khác.

- Người kể chuyện toàn tri thường là người kể chuyện theo ngôi thứ ba. Người kể chuyện toàn tri không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng, biết hết tất cả mọi việc; biết rõ hoàn cảnh, lai lịch, cảm giác, suy nghĩ và hành động của các nhân vật.

Trần thuật từ điểm nhìn toàn tri rất linh hoạt và được dùng rộng rãi. Bởi lẽ, trần thuật từ điểm nhìn toàn tri giúp người đọc biết được nhiều thông tin hơn, rõ hơn về nhân vật và sự việc so với việc kể chuyện từ điểm nhìn hạn tri. Tuy nhiên, người đọc ít có được cảm giác kết nối trực tiếp, gần gũi với nhân vật như trần thuật từ điểm nhìn hạn tri.

3. Biện pháp tu từ chêm xen

Chêm xen là biện pháp tu từ, theo đó, tác giả xen thêm một thành phần biệt lập ngay sau bộ phận thể hiện thông tin chính trong câu để bổ sung ý nghĩa hoặc gia tăng tính hình tượng, sắc thái biểu cảm cho câu. Bộ phận chêm xen thường được tách biệt bằng các dấu phẩy, dấu gạch ngang hay dấu ngoặc đơn.

II. Đọc

1. Kiều binh nổi loạn (Ngô gia văn phái)

1.1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả:

- *Ngô gia văn phái* là một nhóm tác giả Việt Nam gồm 20 tác giả thuộc 9 thế hệ trên dưới 200 năm, từ đầu thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ thứ 20, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du.

b. Tác phẩm

- Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi

- *Hoàng Lê Nhất thống chí* phản thời kì lịch sử từ lúc Trịnh Sâm lên ngôi chúa (1768) đến lúc Nguyễn Anห์ lên ngôi vua (1802).

c. Đoạn trích

- Đoạn trích “Kiều binh nổi loạn” là hồi thứ hai của tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”, kể lại chuyện kiều binh nổi loạn, giết Quận Huy Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông lên ngôi chúa.

1.2. Văn bản

a) Nội dung:

- Trịnh Tông cùng đám đầu bếp, gia thần khích động binh lính nổi loạn

- Kiều binh tụ họp, bàn bạc, hưởng ứng, bầu Bằng Vũ làm chủ mưu, cùng nhau uống máu ăn thề.

- Quận Huy biết tai họa sắp xảy ra nhưng không phòng bị; kiều binh xông vào nội phủ, Quận Huy liền chết chống lại, bị giết.

- Kiều binh phò Trịnh Tông lên ngôi chúa; kiều binh đốt phá dinh thự của Quận Huy, thừa thế hoành hành trả thù riêng, gây náo động cả kinh thành.

b) Nghệ thuật:

- Bút pháp tả thực của lối chép sử biên niên không che dấu một nụ cười mỉa mai và xót xa trước tình cảnh đất nước bị rửa nát từ chính quyền trung ương.

c) Ý nghĩa văn bản:

Đoạn trích “Kiều binh nổi loạn” trong *Hoàng Lê nhất thống chí* đã cho thấy sự thoái nát của phủ chúa Trịnh: cha, con, anh, em tranh giành quyền lực, việc phế con trưởng lập con

thứ hoàn toàn do quyền lợi ích kỉ của phe đảng, không vì quyền lợi của đất nước, của nhân dân. Tất cả sự nổi loạn, tàn bạo của đám kiêu binh “căm ghét”, “hậm hực” khinh bỉ cách làm của chúa Trịnh và quận Huy, chỉ muốn diệt trừ cho hả giận đã thể hiện cụ thể, sống động. Điều nó cho thấy sức mạnh của đám đông có thể làm nổi thuyền, có thể làm lật thuyền.

2. Người ở bên sông Châu (Sương Nguyệt Minh)

2.1. Tìm hiểu chung

a) Tác giả

- Sương Nguyệt Minh sinh năm 1958. Bản thân từng là một người lính. Ông viết văn bằng sự trải nghiệm và thể nghiệm của một con người đi ra từ cuộc chiến.

- Phong cách sáng tác: lịch lãm, tài hoa, tinh tế trên mỗi trang văn.

b) Tác phẩm:

- Truyện ngắn *Người về bến sông Châu* được nhà văn Sương Nguyệt Minh sáng tác năm 1997.

- Bối cảnh: Dì Mây từ chiến trường trở về đứng vào ngày người yêu đi lấy vợ. Chiến tranh đã lấy của cô tuổi trẻ, nhan sắc và cả tình yêu...

2.2. Văn bản

a) Nội dung:

- Truyện ngắn là góc nhìn con người với những thân phận đầy ám ảnh, trong đó đặc biệt là nhân vật dì Mây, cô vừa trải qua chiến tranh khốc liệt, lỡ chuyến đò, lỡ người mình yêu, mất đi người chị, nhưng dì vẫn sống đầy nhân ái, yêu thương và bao dung.

- Ra khỏi cuộc chiến còn gặp tình huống trở trêu éo le song với bản lĩnh phi thường, với tấm lòng nhân hậu cao cả và sự hi sinh thầm lặng, dì Mây đã vượt lên để thực sự sống có ích cho cuộc đời. Hình ảnh dì Mây nhận nuôi và ru bé Cún ở cuối tác phẩm để lại sự day dứt, thương xót cho người đọc.

b) Nghệ thuật:

- Ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.

- Xây dựng hình tượng nhân vật điển hình.

- Truyện ngắn hiện đại với cách kể chuyện linh hoạt (người kể chuyện toàn tri); tình huống kịch tính, hấp dẫn; nghệ thuật miêu tả cảnh và tâm lí tinh tế; nhiều hình ảnh có nghĩa biểu tượng, ẩn dụ, giàu cảm xúc...

c) Ý nghĩa văn bản:

Truyện ngắn phơi bày hiện thực tàn khốc của chiến tranh khi con người không những phải chịu đựng những mất mát về thể xác mà còn phải chịu những nỗi đau về tinh thần.

Giáo dục thế hệ sau cần biết trân trọng những gì mình đang có và biết ơn những người đi trước họ đã hi sinh cuộc đời mình để đất nước được hòa bình, hạnh phúc.

3. Hồi trống Cổ Thành (La Quán Trung)

3.1. Tìm hiểu chung

- La Quán Trung (1330? – 1400?), người có những đóng góp xuất sắc cho trường phái tiểu thuyết lịch sử thời Minh – Thanh ở Trung Quốc.

- *Hồi trống Cổ Thành* thuật lại việc Quan Công đi tìm minh chủ Lưu Bị, qua năm cửa ải, chém sáu tướng Tào, về đến Cổ Thành bị Trương Phi nghi ngờ bội nghĩa, quyết sống mái với người anh em.

3.2. Văn bản

a) Nội dung:

- Ca ngợi một Trương Phi cương trực đến nóng nảy; trung thành và căm ghét sự phản bội, không tin lời nói, chỉ tin việc làm nhưng biết cầu thị, khoan dung. (Phân tích thái độ, lập luận, lối suy diễn, hành động của Trương Phi đối với Quan Công).

- Đề cao một Quan Vân Trường trí dũng song toàn, biết tiến biết thoái, khiêm nhường, nhũn nhặn khi ở thế “tình ngay lý gian”; biết dùng hành động chém tướng để minh oan, thể hiện lòng trung nghĩa. (Phân tích thái độ, lý lẽ và hành động của Quan Công nhằm minh oan, thể hiện lòng trung nghĩa).

b) Nghệ thuật:

- Tính cách nhân vật nhất quán, xung đột giàu kịch tính.

- Lối kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn.

c) Ý nghĩa văn bản: đề cao lòng trung nghĩa.

III. Viết: viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.

1. Định hướng

- Phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện là nêu lên và làm sáng tỏ giá trị (cái hay, cái đẹp) về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

- Phân tích và đánh giá là những thao tác thường kết hợp với nhau trong các bài nghị luận văn học.

- Tác phẩm truyện thường được cấu tạo từ nhiều phương diện, nhiều yếu tố. Bài viết có thể phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm nhưng cũng có thể chỉ tập trung làm rõ một yếu tố nội dung hoặc hình thức nào đó của truyện.

- Cần lưu ý khi viết:

+ Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề văn đã nêu.

+ Đọc lại văn bản truyện được nêu trong đề.

+ Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá.

+ Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

2. Quy trình viết

a. Chuẩn bị

- Xác định yêu cầu cần thực hiện của đề.

- Xem lại phần kiến thức ngữ văn, đọc lại kiến thức liên quan đến vấn đề.

- Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá.

b. Tìm ý và lập dàn ý:

- Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi liên quan đến vấn đề cần phân tích, đánh giá.

- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần.

c. Viết

- Viết bài theo dàn ý đã lập.

- Chú ý: bài viết đủ ba phần; các luận điểm trong phần thân bài cần làm rõ cho vấn đề nêu ở mở bài; các ví dụ (bằng chứng) lấy từ truyện phải phù hợp; lời văn trong sáng thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết đối với vấn đề được phân tích.

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với mục “Định hướng” và dàn ý ở trên để phát hiện và sửa lỗi.

C. ĐỀ MINH HỌA
SỐ GD&ĐT.....
TRƯỜNG.....
(Đề thi gồm có ... trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: NGỮ VĂN 10
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hấn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hấn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hấn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hấn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Trích *Dì Hảo*, Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao,
NXB Văn học, 2017, tr. 208)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản trên.

- A. Tiểu thuyết
- B. Kịch
- C. Truyện ngắn
- D. Truyền kì.

Câu 2: Xác định nhân vật chính trong văn bản.

- A. Dì Hảo
- B. Hấn
- C. Dì Hảo và Hấn
- D. Người kể chuyện

Câu 3: Chọn đáp án đúng nhất thể hiện dì Hảo không trách người chồng tàn nhẫn của mình?

- A. “Dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy.”

- B. “*Trách làm gì hấn...*”
C. “*Dì còn phải khóc hơn thế nhiều.*”
D. “*Cũng như dì đã không trách bà tôi...*”

Câu 4: Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của dì Hảo?

- A. Khóc, nức
B. Nghiến chặt răng; khóc
C. Nghiến chặt răng; khóc; nức
D. Nghiến chặt răng; khóc; nức; thò ra

Câu 5: Tác dụng của phép điệp trong văn bản?

- A. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của dì Hảo
B. Nhấn mạnh vào tiếng khóc của dì Hảo
C. Nhấn mạnh nỗi bất hạnh của dì Hảo
D. Nhấn mạnh hoàn cảnh nghèo khó của dì Hảo

Câu 6: Chủ đề của văn bản là gì?

- A. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ trước Cách mạng tháng Tám
B. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ sau Cách mạng tháng Tám
C. Nỗi bất hạnh của người phụ nữ thời hiện đại
D. Nỗi bất hạnh của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám

Câu 7: Đoạn văn: *Cũng như dì đã không trách..... và khổ cực thay!* sử dụng những kiểu câu nào?

- A. Câu trần thuật, câu nghi vấn
B. Câu trần thuật, câu cảm thán.
C. Câu nghi vấn, câu cảm thán
D. Câu trần thuật, câu cảm thán, câu hỏi tu từ

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8: Tình cảnh của dì Hảo giúp anh/chị hiểu gì về thân phận người nông dân trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng?

Câu 9: Anh/chị hiểu như thế nào về câu văn *Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở* trong đoạn trích?

Câu 10: Qua đoạn trích trên, anh/chị hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Đọc truyện ngắn:

MÂY TRẮNG CÒN BAY

(Bảo Ninh)

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, đừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hăng một cái như hột bước. Tay vận complet ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kìa! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kê cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.

Tay vận complet nhấc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành quàu quau.

- Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trồi cao được hơn mây bác nhỉ?

Tay nọ làm thỉnh.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lăm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tám vé các chú không quân cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt như chuyến này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở miền trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, dôi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.

Tay vận complet xoè diêm châm thuốc. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi thấy gai với khói. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khói chứ chẳng nên phốt lò hàng chữ “không hút thuốc” sáng nay trước mũi y như vậy, tôi sẽ uể oải thâm nghĩ, đẩy tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại.

Giấc ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

- Đây, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thẳng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay họ gần như bước xéo lên đùi tôi, xắn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bừng bừng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phất, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bóng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dịu dịu, mờ mờ trong bầu không khí lạnh lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thả tỏa hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.

Thực hiện yêu cầu:

Nhan đề phản ánh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ).

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.